

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND Hải Dương, ngày tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1013/TTr-SGTVT-P1 ngày 05 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố và phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới ban hành và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải, cụ thể như sau:

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành: 07 thủ tục hành chính. Nội dung cụ thể của thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 290/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về

việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải (Chi tiết, có Phụ lục I đính kèm).

2. Phê duyệt 07 Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (Chi tiết, có Phụ lục II đính kèm).

3. Bãi bỏ 07 thủ tục hành chính và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Giao thông vận tải (Chi tiết, có Phụ lục III đính kèm).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Giao Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thực hiện, hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố công khai, tổ chức tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định; cung cấp nội dung thủ tục hành chính để Trung tâm Phục vụ hành chính công niêm yết công khai, hướng dẫn, tổ chức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các cơ quan liên quan cập nhật/gỡ bỏ nội dung thủ tục hành chính, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng quy định. Hoàn thành ngay sau khi nhận được Quyết định này.

3. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm cập nhật công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính của UBND tỉnh đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, NC-KSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Minh Hùng

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI BAN HÀNH
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày tháng 4 năm 2024
của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI CẤP TỈNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA				
1.	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn Sở Giao thông vận tải gửi văn bản lấy ý kiến đến Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực: 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ. - Thời hạn Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực có văn bản trả lời: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Giao thông vận tải. - Thời hạn Sở Giao thông vận tải ra văn bản chấp thuận: 02 ngày làm việc, 	Quầy tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hải Dương	- Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực, hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến.			

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH CẤP HUYỆN

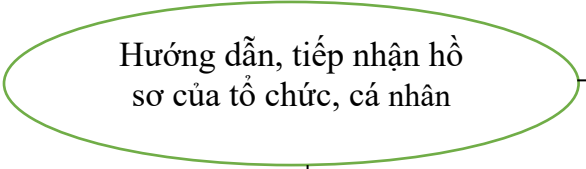
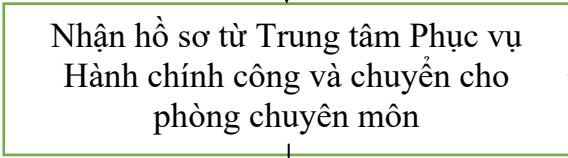
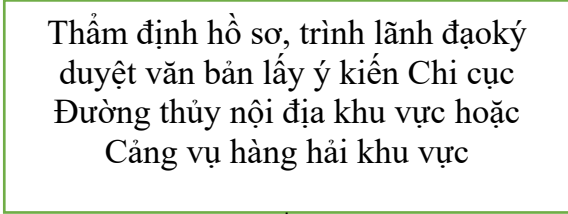
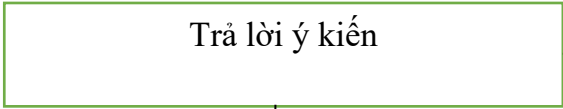
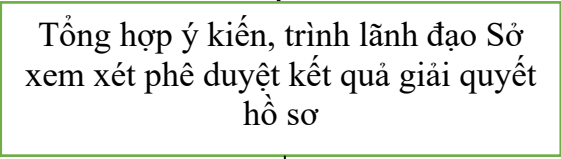
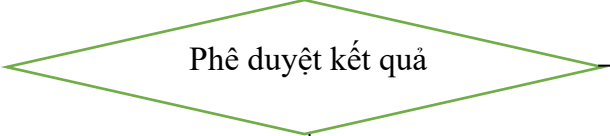
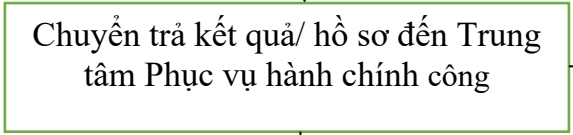
STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY				
1	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố.	không	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.
2	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận	Bộ phận TN&TKQ của UBND các	Không	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	được đơn đề nghị.	huyện, thị xã, thành phố		vui chơi, giải trí dưới nước; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.
3	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	- 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố	Không	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.
4	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố	Không	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của

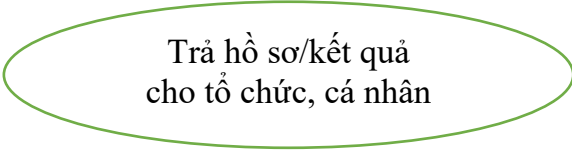
STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					<i>Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.</i>
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố	Không	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.
6	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố	Không	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.

Phụ lục II
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1		Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1/2 ngày làm việc
B2		Văn thư Sở	Chuyên ngay sau khi nhận được hồ sơ
B3		Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	1,5 ngày làm việc
B4		Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực	02 ngày làm việc
B5		Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	01 ngày làm việc
B6		Lãnh đạo Sở	3/4 ngày làm việc
B7		Văn phòng Sở	1/4 ngày làm việc



B8		Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không tính thời gian
-----------	---	--	----------------------

I. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC CẤP TỈNH

1. Thủ tục Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải.

1.1. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải gửi văn bản (kèm theo một bộ bản sao hồ sơ quy định) đến Chi cục Đường thủy nội địa khu vực nếu vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước nằm trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia, Cảng vụ hàng hải khu vực nếu vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước nằm trên vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải để lấy ý kiến;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Chi cục Đường thủy nội địa khu vực, Cảng vụ hàng hải khu vực có văn bản trả lời. Hết thời gian quy định mà không có văn bản trả lời, coi như Chi cục Đường thủy nội địa khu vực, Cảng vụ hàng hải khu vực đồng ý chấp thuận hoạt động vui chơi giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải theo đề nghị của tổ chức, cá nhân;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực, hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận.

1.2. Sơ đồ Quy trình giải quyết:

1.3. Diễn giải quy trình thực hiện cụ thể:

a) Tiếp nhận hồ sơ.

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải thường trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận, thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và chuyển bàn giao hồ sơ cho Văn thư Sở trong thời gian ½ ngày làm việc.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì cán bộ tiếp nhận lập phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.

- Văn thư Sở chuyển hồ sơ cho phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông ngay sau khi nhận được hồ sơ.

b) Thẩm định và xem xét, lấy ý kiến ký duyệt hồ sơ theo quy định.

Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông thẩm định hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến tổ chức, cá nhân thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Nếu hồ sơ hợp lệ, trong thời gian 1,5 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông thẩm định hồ sơ và lấy ý kiến Chi cục Đường thủy nội địa khu vực nếu vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước nằm trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia, Cảng vụ hàng hải khu vực nếu vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước nằm trên vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Quá thời hạn trên nếu tổ chức được lấy ý kiến không có văn bản trả lời thì được coi là đã chấp thuận và phải chịu trách nhiệm do việc không trả lời hoặc trả lời chậm trễ gây ra.

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc, phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông thực hiện tổng hợp ý kiến, thẩm định trình lãnh đạo Sở xem xét kết quả giải quyết hoặc văn bản từ chối nếu hồ sơ không đủ điều kiện.

- Trong thời hạn 3/4 ngày làm việc Lãnh đạo Sở ký duyệt Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải.

- Trong thời hạn ¼ ngày, Văn phòng Sở chuyển kết quả đến Trung tâm P

c) Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân.

Công chức Sở Giao thông vận tải trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công trực nhận kết quả xem xét chuyển kết quả bàn giao cho Bộ phận Hướng dẫn tiếp nhận và Trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công trả cho tổ chức, cá nhân.

II. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC CẤP HUYỆN

1. Thủ tục Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát.

1.1. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

1.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố	½ ngày làm việc
B2	Tiếp nhận hồ sơ, Thẩm định, trình lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt	Phòng Kinh tế - Hạ tầng/Phòng Quản lý đô thị	03 ngày làm việc
B3	Phê duyệt kết quả	Lãnh đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố	01 ngày làm việc
B4	Chuyển hồ sơ/kết quả đến Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố	Phòng Kinh tế - Hạ tầng/Phòng Quản lý đô thị	½ ngày
B5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố	Không tính thời gian

1.3. Diễn giải quy trình

a) Tiếp nhận hồ sơ.

+ Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại UBND cấp huyện, thị xã, thành phố hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công (nếu có).

+ Đại diện công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ. Nếu đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân, bàn giao hồ sơ cho phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế và hạ tầng trong thời gian 1/2 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố lập phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ hoặc phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân.

b) Thẩm định và xem xét, ký duyệt hồ sơ theo quy định.

- Phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố và tiến hành thẩm định, giải quyết hồ sơ:

- Nếu hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 1,5 ngày làm việc phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng có văn bản thông báo bổ sung hồ sơ hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu không đủ điều kiện.

- Nếu hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng thẩm định hồ sơ phải báo cáo kết quả thẩm định trình lãnh đạo UBND các huyện thị xã, thành phố phê duyệt kết quả giải quyết hồ sơ.

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Lãnh đạo UBND các huyện thị xã, thành phố phải xem xét ký duyệt hồ sơ.

- Trong thời hạn ½ ngày phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng chuyển kết quả giải quyết đến Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

c) Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân.

Đại diện Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp nhận kết quả từ Phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng trả hồ sơ/kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tại Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

2. Thủ tục Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát.

2.1. Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

2.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố	¼ ngày làm việc
B2	Tiếp nhận hồ sơ, Thẩm định, trình lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt	Phòng Kinh tế - Hạ tầng/Phòng Quản lý đô thị	01 ngày làm việc
B3	Phê duyệt kết quả	Lãnh đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố	1/2 ngày làm việc
B4	Chuyển hồ sơ/kết quả đến Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố	Phòng Kinh tế - Hạ tầng/Phòng Quản lý đô thị	1/4 ngày
B5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố	Không tính thời gian

2.3. Diễn giải quy trình

a) Tiếp nhận hồ sơ.

+ Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại UBND cấp huyện, thị xã, thành phố hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công (nếu có).

+ Đại diện công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ. Nếu đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân, bàn giao hồ

sơ cho phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế và hạ tầng trong thời gian 1/4 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận một cửa lập phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ hoặc phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân.

b) Thẩm định và xem xét, ký duyệt hồ sơ theo quy định.

- Phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng tiếp nhận hồ sơ từ bộ phận một cửa của UBND các huyện, thị xã, thành phố và tiến hành thẩm định, giải quyết hồ sơ:

- Nếu hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 3/4 ngày làm việc phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng có văn bản thông báo bổ sung hồ sơ hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu không đủ điều kiện.

- Nếu hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 01 ngày làm việc phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng thẩm định hồ sơ phải báo cáo kết quả thẩm định trình lãnh đạo UBND các huyện thị xã, thành phố phê duyệt kết quả giải quyết hồ sơ.

- Trong thời hạn 1/2 ngày làm việc, Lãnh đạo UBND các huyện thị xã, thành phố phải xem xét ký duyệt hồ sơ.

- Trong thời hạn 1/4 ngày phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng chuyển kết quả giải quyết đến Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

c) Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân.

Đại diện Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp nhận kết quả từ Phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng trả hồ sơ/kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tại Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố qua dịch vụ bưu chính công ích.

3. Thủ tục Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu.

3.1. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

3.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố	1/4 ngày làm việc
B2	Thẩm định và giải quyết hồ sơ, trình lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt	Phòng Kinh tế - Hạ tầng/Phòng Quản lý đô thị	02 ngày làm việc
B3	Phê duyệt kết quả giải quyết hồ sơ	Lãnh đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố	1/2 ngày làm việc
B4	Chuyển hồ sơ/kết quả đến Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố	Phòng Kinh tế - Hạ tầng/Phòng Quản lý đô thị	1/4 ngày làm việc
B5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố	Không tính thời gian

3.3. Diễn giải quy trình

a) Tiếp nhận hồ sơ.

+ Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại UBND cấp huyện, thị xã, thành phố hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công (nếu có).

+ Đại diện công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ. Nếu đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân, bàn giao hồ sơ cho phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế và hạ tầng trong thời gian 1/4 ngày

làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận một cửa lập phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ hoặc phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân.

b) Thẩm định và xem xét, ký duyệt hồ sơ theo quy định.

- Phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng tiếp nhận hồ sơ từ bộ phận một cửa của UBND các huyện, thị xã, thành phố và tiến hành thẩm định, giải quyết hồ sơ:

- Nếu hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 3/4 ngày làm việc phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng có văn bản thông báo bổ sung hồ sơ hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu không đủ điều kiện.

- Nếu hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng thẩm định hồ sơ phải báo cáo kết quả thẩm định trình lãnh đạo UBND các huyện thị xã, thành phố phê duyệt kết quả giải quyết hồ sơ.

Trong thời hạn 1/2 ngày làm việc, Lãnh đạo UBND các huyện thị xã, thành phố phải xem xét ký duyệt hồ sơ.

Trong thời hạn ¼ ngày phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng chuyển kết quả giải quyết đến Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

c) Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân.

Đại diện Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp nhận kết quả từ Phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng trả hồ sơ/kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tại Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

4. Thủ tục Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước.

4.1. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

4.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố	1/4 ngày làm việc
B2	Thẩm định và giải quyết hồ sơ, trình lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt	Phòng Kinh tế - Hạ tầng/Phòng Quản lý đô thị	02 ngày làm việc
B3	Phê duyệt kết quả	Lãnh đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố	1/2 ngày làm việc
B4	Chuyển hồ sơ/kết quả đến Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố	Phòng Kinh tế - Hạ tầng/Phòng Quản lý đô thị	1/4 ngày
B5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố	Không tính thời gian

4.3. Diễn giải quy trình

a) Tiếp nhận hồ sơ.

+ Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại UBND cấp huyện, thị xã, thành phố hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công (nếu có).

+ Đại diện công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ. Nếu đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân, bàn giao hồ sơ cho phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế và hạ tầng trong thời gian 1/4 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận TN&TKQ của

UBND các huyện, thị xã, thành phố lập phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ hoặc phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân.

b) Thẩm định và xem xét, ký duyệt hồ sơ theo quy định.

- Phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng tiếp nhận hồ sơ từ bộ phận một cửa của UBND các huyện, thị xã, thành phố và tiến hành thẩm định, giải quyết hồ sơ:

- Nếu hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 01 ngày làm việc phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng có văn bản thông báo bổ sung hồ sơ hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu không đủ điều kiện.

- Nếu hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng thẩm định hồ sơ phải báo cáo kết quả thẩm định trình lãnh đạo UBND các huyện thị xã, thành phố phê duyệt kết quả giải quyết hồ sơ.

- Trong thời hạn 1/2 ngày làm việc, Lãnh đạo UBND các huyện thị xã, thành phố phải xem xét ký duyệt hồ sơ.

Trong thời hạn 1/4 ngày phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng chuyển kết quả giải quyết đến Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

c) Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân.

Đại diện Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp nhận kết quả từ Phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng trả hồ sơ/kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tại Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

5. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước.

5.1. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố	1/4 ngày làm việc
B2	Thẩm định và giải quyết hồ sơ, trình lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt	Phòng Kinh tế - Hạ tầng/Phòng Quản lý đô thị	02 ngày làm việc
B3	Phê duyệt kết quả	Lãnh đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố	1/2 ngày làm việc
B4	Chuyển hồ sơ/kết quả đến Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố	Phòng Kinh tế - Hạ tầng/Phòng Quản lý đô thị	1/4 ngày
B5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố	Không tính thời gian

5.3. Diễn giải quy trình

a) Tiếp nhận hồ sơ.

+ Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại UBND cấp huyện, thị xã, thành phố hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công (nếu có).

+ Đại diện công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ. Nếu đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân, bàn giao hồ sơ cho phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế và hạ tầng trong thời gian 1/4 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận TN&TKQ của

UBND các huyện, thị xã, thành phố lập phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ hoặc phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân.

b) Thẩm định và xem xét, ký duyệt hồ sơ theo quy định.

- Phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng tiếp nhận hồ sơ từ bộ phận một cửa của UBND các huyện, thị xã, thành phố và tiến hành thẩm định, giải quyết hồ sơ:

- Nếu hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 01 ngày làm việc phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng có văn bản thông báo bổ sung hồ sơ hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu không đủ điều kiện.

- Nếu hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng thẩm định hồ sơ phải báo cáo kết quả thẩm định trình lãnh đạo UBND các huyện thị xã, thành phố phê duyệt kết quả giải quyết hồ sơ.

- Trong thời hạn 1/2 ngày làm việc, Lãnh đạo UBND các huyện thị xã, thành phố phải xem xét ký duyệt hồ sơ.

Trong thời hạn 1/4 ngày phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng chuyển kết quả giải quyết đến Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

c) Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân.

Đại diện Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp nhận kết quả từ Phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng trả hồ sơ/kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tại Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

6. Thủ tục Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước.

6.1. Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

6.2. Sơ đồ quy trình giải quyết:

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân	Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố	1/4 ngày làm việc
B2	Thẩm định và giải quyết hồ sơ, trình lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt	Phòng Kinh tế - Hạ tầng/Phòng Quản lý đô thị	01 ngày làm việc
B3	Phê duyệt kết quả	Lãnh đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố	1/2 ngày làm việc
B4	Chuyển hồ sơ/kết quả đến Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố	Phòng Kinh tế - Hạ tầng/Phòng Quản lý đô thị	1/4 ngày
B5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố	Không tính thời gian

6.3. Diễn giải quy trình

a) Tiếp nhận hồ sơ.

+ Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại UBND cấp huyện, thị xã, thành phố hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công (nếu có).

+ Đại diện công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ. Nếu đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận gửi giấy hẹn/mã hồ sơ cho tổ chức, cá nhân, bàn giao hồ sơ cho phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế và hạ tầng trong thời gian 1/4 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì Bộ phận TN&TKQ của

UBND các huyện, thị xã, thành phố lập phiếu hướng dẫn bổ sung hồ sơ hoặc phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ nếu hồ sơ không đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân.

b) Thẩm định và xem xét, ký duyệt hồ sơ theo quy định.

- Phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng tiếp nhận hồ sơ từ bộ phận một cửa của UBND các huyện, thị xã, thành phố và tiến hành thẩm định, giải quyết hồ sơ:

- Nếu hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 01 ngày làm việc phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng có văn bản thông báo bổ sung hồ sơ hoặc từ chối giải quyết hồ sơ nếu không đủ điều kiện.

- Nếu hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 01 ngày làm việc phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng thẩm định hồ sơ phải báo cáo kết quả thẩm định trình lãnh đạo UBND các huyện thị xã, thành phố phê duyệt kết quả giải quyết hồ sơ.

- Trong thời hạn 1/2 ngày làm việc, Lãnh đạo UBND các huyện thị xã, thành phố phải xem xét ký duyệt hồ sơ.

Trong thời hạn 1/4 ngày phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng chuyển kết quả giải quyết đến Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

c) Nhận hồ sơ/kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân.

Đại diện Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp nhận kết quả từ Phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế hạ tầng trả hồ sơ/kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tại Bộ phận TN&TKQ của UBND các huyện, thị xã, thành phố hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

Phụ lục III
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, QUY TRÌNH NỘI BỘ
GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI,
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH BỊ BÃI BỎ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ	Ghi chú
I	LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA (Đã công bố tại Quyết định số 3230/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải)			
1.	<u>2.001219.000.00.00.H23</u>	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước	
2.	<u>2.001218.000.00.00.H23</u>	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước	
3.	<u>2.001217.000.00.00.H23</u>	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội	Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của	

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ	Ghi chú
		địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	<i>phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước</i>	
4.	<u>2.001215.000.00.00.H23</u>	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	<i>Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước</i>	
5.	<u>2.001214.000.00.00.H23</u>	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	<i>Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước</i>	
6.	<u>2.001212.000.00.00.H23</u>	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	<i>Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước</i>	
7.	<u>2.001211.000.00.00.H23</u>	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	<i>Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước</i>	

II. DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH BỊ BÃI BỎ

STT	Tên Thủ tục hành chính	Ghi chú
I	LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA (Đã được phê duyệt tại Quyết định số 3483/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải)	
1.	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	
2.	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	
3.	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	
4.	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	
5.	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	
6.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	
7.	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	